

Số: HHAN/04/15h30-THOA

Thanh Hóa, ngày 21 tháng 06 năm 2023

BẢN TIN CẢNH BÁO HẠN HÁN KHU VỰC TỈNH THANH HÓA
(Từ ngày 21 tháng 6 đến ngày 30 tháng 6)

1. Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trong 10 ngày qua từ 11 - 20/06.

1.1. Xu thế diễn biến tổng lượng mưa:

Tổng lượng mưa tuần qua khu vực trung du vùng núi tỉnh Thanh Hóa phổ biến từ 50 - 160mm, xấp xỉ đến cao hơn so với giá trị trung bình nhiều năm, khu vực đồng bằng 30 – 90mm thấp hơn so với TBNN từ 10 - 30mm.

1.2. Xu thế diễn biến tổng lượng nước mặt:

Trong tuần lượng dòng chảy trên các sông ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ. Tổng lượng dòng chảy mặt tuần qua phổ biến từ $53.3 - 282 \cdot 10^6 \text{ m}^3$, tại Mường Lát, Cẩm Thủy trên sông Mã ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ từ 9.0 – 22.0% và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022 từ 50.0 - 56.0%; Trên sông Chu tại Cửa Đạt ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ là 52.3% và thấp hơn cùng kỳ năm 2022 là 11.1%.

2. Dự báo diễn biến tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt từ ngày 21-30/6/2023

2.1. Dự báo diễn biến tổng lượng mưa:

Thời kỳ từ ngày 21 - 30/6, TLM tại khu vực trung du vùng núi Thanh Hóa phổ biến xấp xỉ đến cao hơn TBNNCK, đồng bằng ven biển thấp hơn đến xấp xỉ so với TBNNCK.

2.2. Dự báo diễn biến tổng lượng nước mặt:

Lượng dòng chảy trên các sông biến đổi chậm và ở mức thấp hơn so với TBNN cùng kỳ và thấp hơn so với cùng kỳ năm 2022. Tổng lượng dòng chảy mặt trên sông Mã tại Mường Lát, Cẩm Thủy thấp hơn so với TBNN cùng kỳ khoảng từ 10.0 – 20.0% và thấp hơn cùng kỳ năm 2022 khoảng từ 40.0 – 50.0%; trên sông Chu tại Cửa Đạt thấp hơn so với TBNN cùng kỳ khoảng 50.0% và xấp xỉ đến thấp hơn cùng kỳ năm 2022.

3. Cảnh báo sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán: nguy cơ thấp ở vùng núi.

4. Cảnh báo cấp độ rủi ro thiên tai do hạn hán: cấp 1.

5. Cảnh báo tác động của hạn hán hoặc sạt lở đất, sụt lún đất do hạn hán:

Nguy cơ thiếu nước sinh hoạt và sản xuất ở vùng xa nguồn cấp nước và vùng ảnh hưởng triều; cháy nổ và hỏa hoạn ở khu vực dân cư và nguy cơ cháy rừng...

Thời gian ban hành bản tin tiếp theo: 15h30 ngày 01/07/2023

Tin phát lúc: 15h30 ngày 21/06/2023

Dự báo viên: Nguyễn Thị Hoa

Nơi nhận:

- UBND tỉnh Thanh Hóa;
- Vụ Quản lý dự báo KTTV.
- Lãnh đạo và phòng DBKTTV, Đài KTTV KV BTB.
- Lãnh đạo Đài KTTV tỉnh Thanh Hóa.
- Văn phòng thường trực BCH PCTT &TKCN tỉnh Thanh Hóa.
- Lưu VP, DB.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Trịnh Thế Thành

Phụ lục
Phụ lục 1: Hiện trạng tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt trên
khv vực tỉnh Thanh Hóa từ ngày 11- 20/6/2023.

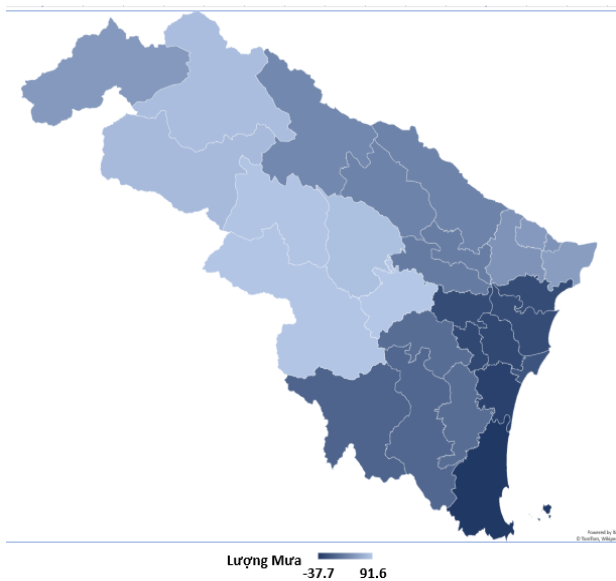
Bảng 1.1: Hiện trạng tổng lượng mưa thực đo khv vực tỉnh Thanh Hóa

Huyện	Trạm	Thực đo (mm)	So sánh với TBNN (%)	So sánh với năm 2022 (%)
TP Thanh Hóa	Thanh Hóa	29.9	-44	-45
Yên Định	Yên Định	71.7	47	35
Quan Hóa	Hồi Xuân	154.5	117	319
Như Thanh	Như Xuân	56.7	4	67
TX Nghi Sơn	Tĩnh Gia	1.6	-96	-86
Thọ Xuân	Bái Thượng	156.4	142	473
TP Sầm Sơn	Sầm Sơn	29.1	-29	-37
Nga Sơn	Nga Sơn	93.0	135	184

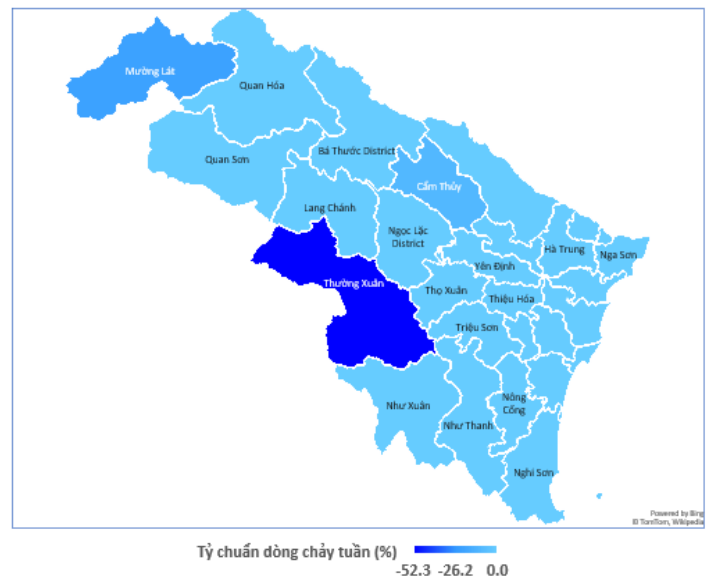
Bảng 1.2: Tổng lượng nước mặt thực đo trên các sông tỉnh Thanh Hóa

Sông	Trạm	Thực đo ($10^6 m^3$)	So sánh TBNN (%)
Mã	Mường Lát	147.7	-22.0%
	Cắm Thủy	281.7	-9.0%
Chu	Cửa Đạt	53.3	-52.3%

BẢN ĐỒ



Bản đồ chênh lệch lượng mưa thực đo so với TBNN (mm) từ ngày 11 – 20/6 năm 2023.



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 11-20/6 so với TBNN cùng kỳ

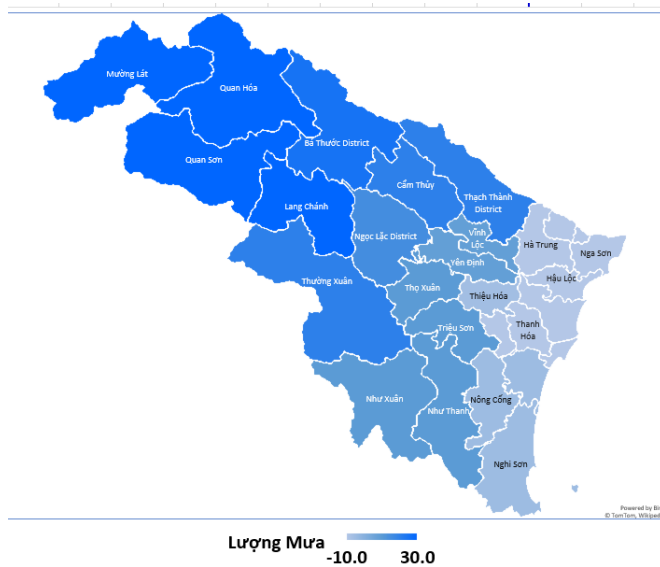
**Phụ lục 2: Dự báo, cảnh báo tổng lượng mưa, tổng lượng nước mặt
khu vực tỉnh Thanh Hóa từ ngày 21-30/6/2023.**

Bảng 2.1: Dự báo tổng lượng mưa khu vực tỉnh Thanh Hóa

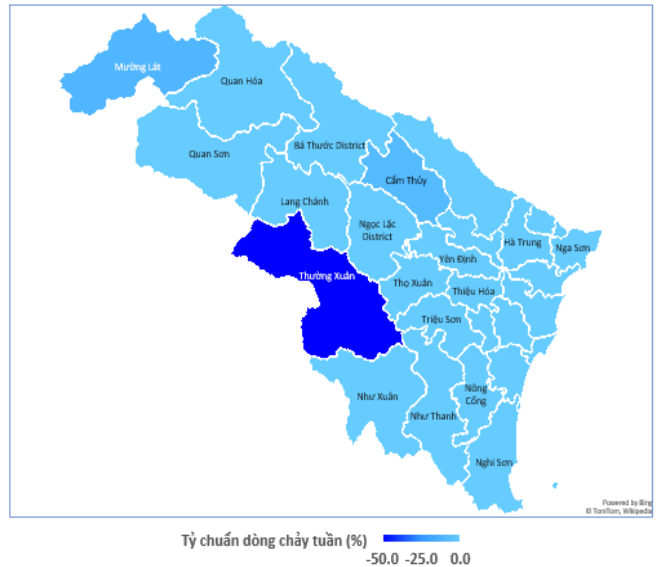
Huyện	Trạm	Dự báo (mm)	So sánh với TBNN
TP Thanh Hóa	Thanh Hóa	20 - 40	< 10 -20%
Yên Định	Yên Định	40 - 80	< 5 -15%
Quan Hóa	Hồi Xuân	70 - 120	≥ 20 – 40%
Như Thanh	Như Xuân	40 - 80	≥ 10 – 30%
TX Nghi Sơn	Tĩnh Gia	20 - 40	<5 – 10%
Thọ Xuân	Bái Thượng	50 - 100	≥ 20 – 30%
TP Sầm Sơn	Sầm Sơn	20 - 40	<5 – 10%
Nga Sơn	Nga Sơn	30 - 50	<3 – 6%

Bảng 2.2: Dự báo tổng lượng nước mặt trên các sông tỉnh Thanh Hóa

Sông	Trạm	Dự báo ($10^6 m^3$)	So sánh TBNN (%)
Mã	Mường Lát	138.2	-10.3%
	Cắm Thủy	259.2	-7.9%
Chu	Cửa Đạt	50.1	-50.0%



Bản đồ dự báo chênh lệch lượng mưa (mm) từ ngày 21 – 30/6 năm 2023.



Bản đồ chênh lệch tổng lượng dòng chảy 21-30/6 so với TBNN cùng kỳ.